

Bản án số: 84/2022/HS-ST.

Ngày: 14/9/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K - TỈNH K

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa pH tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Y Blur và ông Đặng Văn Vũ là giáo viên.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản pH tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố KonTum tham gia pH tòa:
Bà Đỗ Thị Qên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại 02 điểm cầu:

Điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K; địa chỉ: Số 44 Bà Triệu, thành phố KonTum, tỉnh KonTum;

Điểm cầu thành phần: Tại Nhà tạm giữ Công an thành phố K, tỉnh K; địa chỉ: 07 đường P, phường Duy Tân, thành phố K, tỉnh K.

Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2022/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2022/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. A Th, sinh ngày: 01/9/1999 tại K; nơi cư trú: Thôn K, phường Th, thành phố K, tỉnh K; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ba na; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 3/12; con ông A T và bà Y K; Bị can là con lớn nhất trong gia đình có 05 anh em, em nhỏ nhất sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 11/4/2017, bị Công an thành phố K ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/6/2022 đến nay, có mặt.

2. A Đ, sinh ngày: 05/02/2000 tại K; nơi cư trú: Thôn K, phường Th, thành phố K, tỉnh K; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Bana; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 2/12; con ông A Đh, sinh năm 1973 và bà Y B, sinh năm 1975; Bị can là con thứ hai trong gia đình có 03 chị em, chị lớn nhất sinh năm 1998, em nhỏ nhất sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam ngày 16/6/2022. Có mặt.

3. A Q; Sinh ngày: 10/9/2005 tại K; nơi cư trú: Thôn K, phường Th, thành phố K, tỉnh K; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ba na; Tôn giáo: Công giáo; Nghề

nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 4/12; con ông A H và bà Y W; Bị can là con thứ năm trong gia đình có 06 chị em, chị lớn nhất sinh năm 1991, em nhỏ nhất sinh năm 2009. Tiền án, tiền sự: Không. Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo A Q và A Th:** Bà Đặng Thị Kim Nguyệt - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh K, có mặt.

- **Người đại diện hợp pháp của bị cáo A Q:** Ông A H, là bố đẻ A Q; địa chỉ: Thôn K, phường Th, Tp. K (Có mặt).

- **Bị hại:** Anh Trần Anh C, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, thành phố K, tỉnh K (vắng mặt).

- **Người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Lê Quốc H, sinh năm 1972; địa chỉ: 395 Đ, phường Th, TP. K (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại pH tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 27/4/2022, bị cáo A Th rủ bị cáo A Đ và bị cáo A Q đi trộm cắp tài sản. Tất cả đồng ý. A Th mượn xe mô tô (*không rõ biển số*) của một Th niên tên A Wen (*không rõ nhân thân, lai lịch*) và điều khiển xe chở A Đ, A Q đi tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản. Trên đường đi A Đ nhặt được một Th sắt dài khoảng 30cm. Khi đến trước nhà anh Trần Anh C, trên đường liên thôn thuộc thôn K, xã Đ, thành phố K, A Th dừng xe và đứng ngoài đường canh giới, A Đ và A Q đi vào dùng Th sắt phá khóa cửa rồi cùng đột nhập vào nhà anh C. A Đ trộm cắp 02 điện thoại di động Oppo A37; A Q trộm cắp 01 loa kéo kéo, 03 con chim cu gáy và 03 lồng chim bằng sắt. Sau khi trộm cắp, A Th mang chiếc loa và 01 con chim cu gáy cùng lồng sắt về nhà mình cất giấu, A Đ mang 02 chiếc điện thoại về nhà mình cất giấu; 02 con chim cu gáy còn lại và 02 lồng sắt, A Đ cùng A Q mang đến bán cho ông Lê Quốc H là chủ cửa hàng mua bán chim tại số 395 Đ, thành phố K với giá 160.000 đồng, 02 chiếc lồng chim vứt bỏ ở khu vực vỉa hè đường Đ. Cả ba bị cáo cùng tiêu xài hết số tiền 160.000 đồng này.

Tại Kết luận định giá số 27/KL-HĐ ngày 26/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố K kết luận: Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt của anh C là 20.113.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 74/CT-VKSTPKT ngày 16/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố các bị cáo A Th, A Đ và A Q về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại pH tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Qết định truy tố và đề nghị:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 58 BLHS. Xử phạt A Th từ 12 đến 15 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 BLHS. Xử phạt bị cáo A Đ từ 09 đến 12 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; và các điều 58, 65, 90, 91 và khoản 1 Điều 101 BLHS. Xử phạt bị cáo A Q từ 06 đến 09 tháng tù nH cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về án phí: Buộc bị cáo A Đ chịu án phí hình sự theo Q định. Đề nghị miễn án phí đối với bị cáo A Th, A Q vì các bị cáo này thuộc hộ nghèo.

- Xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc loa kẹo kéo và 02 điện thoại di động Oppo A37 cho chủ sở hữu theo đúng Q định. Các vật chứng còn lại không thu giữ được nên không có cơ sở xử lý.

- Về dân sự: Bị hại Trần Anh C đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự; ông Lê Quốc H không yêu cầu nên không xem xét.

Ý kiến của bà Đặng Thị Kim Nguyệt là người bào chữa cho bị cáo A Q và A Th: Bà Nguyệt đồng ý với luận tội của VKS đối với các bị cáo A Q, A Th về tội danh và việc áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo này. Tuy nH đề nghị HĐXX xem xét thêm các tình tiết hai bị cáo là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ nghèo, học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế; A Q khi phạm tội là người chưa thành niên, chưa phát triển đầy đủ về tâm sinh lý, nên áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội; đề nghị xử phạt A Th 12 tháng tù, xử phạt A Q 06 tháng tù cho hưởng án treo, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo. Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo A Th và A Q vì thuộc hộ nghèo.

Ý kiến của ông A H là người đại diện hợp pháp của bị cáo A Q: Ông A H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Q.

Các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại pH tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*** Về tổ tụng:**

- Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT - Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Qền, trình tự, thủ tục Q định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại pH tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng Q định của pháp luật.

- Anh Trần Anh C và anh Lê Quốc H có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ. Việc vắng mặt anh C và anh H không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt họ.

*** Về nội dung:**

[1] Trên cơ sở lời khai của các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định:

Khoảng 13 giờ ngày 27/4/2022, tại nhà anh Trần Anh C, thôn K, xã Đ, thành phố K, các bị cáo A Th, A Đ và A Q đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của anh C 01 loa kẹo kéo, 02 điện thoại di động Oppo A37, 03 con chim cu gáy và 03 lồng chim bằng sắt, với tổng giá trị là 20.113.000 đồng. Hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị cáo đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” Q định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố đối với các bị cáo A Th, A Đ và A Q là có căn cứ đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội của các bị cáo. Xét thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo A Th, A Đ và A Q là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến Quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác; gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, xã hội tại địa phương.

Các bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn. Để có cơ sở Quyết định hình phạt, cần phải phân hóa vai trò tham gia trong đồng phạm của các bị cáo, như sau: A Th là người khởi xướng rủ rê và tham gia tích cực nhất, mượn xe mô tô chở A Đ, A Q đi trộm cắp và đứng canh giới, do đó A Th có vai trò chính trong đồng phạm, nên mức hình phạt áp dụng cho A Th phải nghiêm khắc nhất; A Đ cùng A Q không can ngăn khi được A Th rủ đi trộm cắp, mà đồng ý ngay, A Đ và A Q trực tiếp dùng Th sắt phá khóa cửa đột nhập vào nhà trộm cắp tài sản, sau đó mang tài sản trộm cắp (02 con chim cu gáy) đi tiêu thụ, do đó A Đ và A Q có vai trò ngang nhau, vai trò thứ hai trong đồng phạm, nên mức hình phạt áp dụng đối với hai bị cáo thấp hơn hình phạt áp dụng cho A Th.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Tình tiết tăng nặng*: A Đ và A Q không phải chịu tình tiết tăng nặng. Riêng A Th khi rủ rê lôi kéo A Q đi trộm cắp tài sản, thì A Q mới 16 tuổi 7 tháng 17 ngày, nên A Th phải chịu tình tiết tăng nặng “*Xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội*” Q định tại điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS;

- *Tình tiết giảm nhẹ*: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ Q định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[4] *Về nhân thân*: Bị cáo A Đ và A Q có nhân thân tốt. Riêng bị cáo A Th đã bị Công an thành phố K ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 11/4/2017 về hành vi xâm hại sức khỏe người khác.

[5] Sau khi xem xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội; xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. HĐXX xét thấy cần phải xử phạt nghiêm minh đối với các bị cáo. Cách ly bị cáo A Th và A Đ với đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Bị cáo A Q khi phạm tội là người chưa thành niên, nên áp dụng Q định về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi, được Q định tại các điều 90, 91 và khoản 1 Điều 101 BLHS để Quyết định hình phạt đối với bị cáo. Xét thấy, bị cáo là

người chưa thành niên phạm tội, chưa phát triển đầy đủ về tâm sinh lý, nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo phạm tội lần đầu; có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, nhân thân tốt; có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có khả năng tự cải tạo; việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội. Do đó HĐXX áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được cải tạo bên ngoài xã hội, giao bị cáo cho chính Qền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo.

[6] *Hình phạt bổ sung*: Khoản 5 Điều 173 của BLHS Q định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nH các bị cáo không có nghề nghiệp và không có tài sản, không có điều kiện để chấp hành hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] *Các vấn đề khác*:

- *Xử lý vật chứng*: Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu anh C 01 cái loa và 02 điện thoại di động là đúng Q định.

- *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại Trần Anh C và người liên quan Lê Quốc H không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nên không xem xét.

- *Về án phí*: Các bị cáo A Th, A Đ và A Q bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nH bị cáo A Q, A Th thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp án phí hợp lệ, nên miễn nộp tiền án phí cho hai bị cáo này.

Trong vụ án có ông Lê Quốc H là người mua 02 con chim cu gáy mà các bị cáo trộm cắp được, nH ông H không biết 02 con chim là tài sản do phạm tội mà có, nên không có cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông H.

Vì các lẽ trên,

QUẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo A Th, A Đ và A Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **A Th: 12 (Mười hai)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam **16/6/2022**.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **A Đ: 09 (Chín)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam **16/6/2022**.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; và các điều 58, 65, 90, 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **A Q: 06 (Sáu)** tháng tù nH cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **12 (Mười hai)** tháng tính từ ngày tuyên án 14/9/2022.

Giao bị cáo A Q cho Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố K, tỉnh K giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Q định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Q định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo A Đ phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo A Th và bị cáo A Q.

6. Qền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa của bị cáo, bị hại và người có Qền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được Qền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/9/2022). Những người vắng mặt tại pH tòa được Qền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, Qết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Qền thỏa thuận thi hành án, Qền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Q định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Q định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND tỉnh K;
- VKSND Tp. K;
- Sở tư pháp tỉnh K;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp. K;
- Bộ phận HSNV Công an Tp. K;
- Chi cục THADS Tp. K;
- Hồ sơ THA hình sự; L- u HS.
- Những người tham gia tố tụng;
-

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PH TÒA**

Nguyễn Xuân Hoài